

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/DS – ST

Ngày: 24/02/2026.

V/v tranh chấp “hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Trần Châu Phương

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2025/TLST - DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST - DS ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1 - Ngân hàng N1 Chi nhánh T1 (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ: số B đường T, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoài V, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh T1, theo Quyết định số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tổng giám đốc A.

Ông Phạm Hoài V uỷ quyền cho anh Nguyễn Trung T, sinh năm:1983 địa chỉ liên hệ: số B đường T, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy uỷ quyền đề ngày 14/10/2025).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị B, sinh năm 1958; địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Hoàng Á, sinh năm 1986; địa chỉ: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Á, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã N, huyện M,

tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng – ông Nguyễn Trung T trình bày:

Hộ gia đình bà Phan Thị B gồm: bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á, bà Nguyễn Thị Hồng Á. Ngày 06/02/2023 ông Nguyễn Hoàng Á, bà Nguyễn Thị Hồng Á đã ủy quyền cho bà Phan Thị B xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N1 theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/02/2023 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) chứng thực cùng ngày.

Ngày 06/02/2023 bà Phan Thị B và đồng thời với tư cách là người đại diện cho ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7105-LAV-202300586 với Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện T1 (nay là Chi nhánh T1) để vay số tiền 600.000.000 đồng. Bà Phan Thị B đã nhận nợ 01 (một) lần theo Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 7105LDS202316879 ngày 29/11/2023, cụ thể như sau:

- Số tiền nhận nợ: 600.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 06 tháng; hạn trả nợ cuối cùng: 29/05/2024; phân kỳ trả nợ gốc: 01 kỳ ngày 29/05/2024; phân kỳ trả nợ lãi: 02 kỳ vào ngày 29/01/2024 và ngày 29/05/2024; lãi suất cho vay (tại thời điểm vay vốn): 7,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả: 10%/năm.

Khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ bà Phan Thị B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TPH20230014/HĐTC ngày 06/02/2023 được chứng thực ngày 06/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 07/02/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ – Vĩnh Long), thông tin tài sản bảo đảm chi tiết như sau:

- Quyền sử dụng đất BĐ936623, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01640 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; Cụ thể như sau: thửa đất số: 54; tờ bản đồ số: 39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 790,3 m²; Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: 01/09/2066.

- Quyền sử dụng đất BD936624, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01641 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; Cụ thể như sau: thửa đất số: 78; tờ bản đồ số: 39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 7.488,7 m²; Mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng: 06/10/2070.

- Quyền sử dụng đất BD936625, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01642 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; Cụ thể như sau: thửa đất số: 79; tờ bản đồ số: 39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 1.033,8 m²; Mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 733,8m²; Thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài và đất trồng cây lâu năm 06/08/2071.

Theo thỏa thuận tại Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 29/11/2023 thì đến ngày 29/05/2024 hộ gia đình bà Phan Thị B phải có nghĩa vụ phải trả tất nợ gốc, lãi cho Ngân hàng số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, nhưng hộ gia đình bà Phan Thị B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ ngân hàng đã ký kết. Đến ngày 28/8/2024, toàn bộ khoản vay 600.000.000 đồng của hộ gia đình bà Phan Thị B tại Ngân hàng chuyển sang nợ xấu (nợ nhóm 3). Mặc dù Ngân hàng nhiều lần phối hợp cùng địa phương đến tiếp cận, đôn đốc, yêu cầu bà Phan Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Á, bà Nguyễn Thị Hồng Á thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký. Bà Phan Thị B cũng đã cam kết nhiều lần nhưng không trả được nợ theo cam kết. Bà Phan Thị B có thái độ chây ỳ, không hợp tác, không phối hợp, cam kết nhiều lần nhưng không thực hiện và không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á, bà Nguyễn Thị Hồng Á phải có nghĩa vụ liên đới với trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24/02/2026 gồm: nợ gốc là 589.944.000 đồng và tiền lãi là 72.959.987 đồng (lãi trong hạn 40.005.814 đồng, lãi quá hạn 27.461.811 đồng, lãi chậm trả 5.492.362 đồng), tổng cộng là 662.903.987 đồng. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á, Bà Nguyễn Thị Hồng Á phải có nghĩa vụ liên đới phải trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/02/2026 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong trường hợp bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á, bà Nguyễn Thị Hồng Á không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TPH20230014/HĐTC ngày 06/02/2023 được chứng thực ngày 06/02/2023 tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 07/02/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ - Vĩnh Long), thông tin tài sản bảo đảm chi tiết như sau:

- Quyền sử dụng đất BĐ936623, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01640 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; Cụ thể như sau: thửa đất số: 54; tờ bản đồ số: 39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 790,3 m²; Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: 01/09/2066.

- Quyền sử dụng đất BĐ936624, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01641 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; Cụ thể như sau: thửa đất số: 78; tờ bản đồ số: 39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 7.488,7 m²; Mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng: 06/10/2070.

- Quyền sử dụng đất BĐ936625, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01642 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; Cụ thể như sau: thửa đất số: 79; tờ bản đồ số: 39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 1.033,8 m²; Mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 733,8m²; Thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài và đất trồng cây lâu năm 06/08/2071.

Bị đơn bà Phan Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á vắng mặt trong các lần công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á, bà Nguyễn Thị Hồng Á có nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Phan Thị B có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Nguyễn Trung T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phan Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền đã vay tính đến ngày 24/02/2026 gồm: nợ gốc là 589.944.000 đồng và tiền lãi là 72.959.987 đồng (lãi trong hạn là 40.005.814 đồng, lãi quá hạn là 27.461.811 đồng, lãi chậm trả 5.492.362 đồng), tổng cộng là 662.903.987 đồng. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á, bà Nguyễn Thị Hồng Á phải có nghĩa vụ liên đới phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/02/2026 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong trường hợp bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TPH20230014/HĐTC ngày 06/02/2023 được chứng thực ngày 06/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 07/02/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ - Vĩnh Long) mà các bên đã ký kết.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền vay: Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng ủy quyền ngày 06/02/2023; Hợp đồng tín dụng số 7105-LAV-202300586 ngày 06/02/2023; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7105LDS202316879 ngày 29/11/2023, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TPH20230014/HĐTC ngày 06/02/2023 đã ký giữa Ngân hàng và bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn bà Phan Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập họp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Do đó căn cứ các Điều 91, 92 Bộ Luật Tố tụng Dân sự Tòa án sử dụng chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại các Điều 101; Điều 463, 317 Bộ luật Dân sự; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2: Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên được xem là hợp đồng hợp pháp

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24/02/2026 là 662.903.987 đồng và yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên kể từ ngày 25/02/2026 cho đến khi bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TPH20230014/HĐTC ngày 06/02/2023 được chứng thực ngày 06/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 07/02/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực B - Vĩnh Long) mà bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay là có căn cứ và phù hợp quy định tại các Điều 103, 466, 323, 299 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị

Hồng Á phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính như sau:
 $20.000.000 \text{ đồng} + 262.903.987 \text{ đồng} \times 4\% = 30.516.159 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 144, 147, 186, 228, 235, 238 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2: Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Áp dụng các Điều 101, 103, 463, 465, 466, 317, 323, 299 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 - Ngân hàng N1 Chi nhánh T1. Buộc bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 24/02/2026 là 662.903.987 đồng. Đồng thời bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á, bà Nguyễn Thị Hồng Á phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh từ ngày 25/02/2026 tính theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TPH20230014/HĐTC ngày 06/02/2023 được chứng thực ngày 06/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 07/02/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ - Vĩnh Long), thông tin tài sản bảo đảm chi tiết như sau:

- Quyền sử dụng đất BĐ936623, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01640 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; cụ thể như sau: thửa đất số: 54; tờ bản đồ số:

39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 790,3 m²; Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: 01/09/2066.

- Quyền sử dụng đất BD936624, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01641 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; cụ thể như sau: thửa đất số: 78; tờ bản đồ số: 39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 7.488,7 m²; Mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng: 06/10/2070.

- Quyền sử dụng đất BD936625, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01642 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2011; cụ thể như sau: thửa đất số: 79; tờ bản đồ số: 39; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); diện tích: 1.033,8 m²; Mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 733,8m²; Thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài và đất trồng cây lâu năm 06/08/2071.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị B, ông Nguyễn Hoàng Á và bà Nguyễn Thị Hồng Á phải liên đới chịu án phí với số tiền 30.516.159 đồng

Ngân hàng N1 - Ngân hàng N1 Chi nhánh T1 được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.995.000 đồng theo Biên lai thu số 0009354 ngày 13/11/2025 của Thi hành dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung

